

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2017/DS-PT

Ngày 19-12-2017

V/v tranh chấp đòi tài sản và chia
tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán: Bà Lưu Ánh Nguyệt
Ông Lâm Văn Be

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 13 và 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2017/TLDS-PT ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp đòi tài sản và chia tài sản sau khi ly hôn”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 108/2017/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 258/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Số nhà A, hẻm số B, đường C, khu phố D, Phường E, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Tr: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Số 73 đường G, khu phố H, Phường K, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/11/2017); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Hoàng H, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Số nhà A, hẻm số B, đường C, khu phố D, Phường E, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Số L, đường M, khu phố N, phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/01/2017); có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Tr là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Tr và người đại diện hợp pháp của bà Tr trình bày:

Bà Tr và ông H trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 231/2016/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, quyết định ghi tài sản chung không có. Sau khi ly hôn, bà Tr về nhà cha mẹ ruột sống, còn ông H thì ở tại căn nhà cấp 4 trên phần đất thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 03, diện tích 267,40 m²; tọa lạc tại Số nhà A, hẻm số B, đường C, khu phố D, Phường E, thành phố Tây Ninh, đây là tài sản riêng của bà Tr do mẹ bà Tr là bà Võ Thị L tặng cho riêng bà Tr. Bà Tr đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/2014. Sau khi ly hôn, nhiều lần bà yêu cầu ông H giao trả lại nhà nhưng ông H không trả; nay bà Tr yêu cầu ông H trả lại nhà và đất nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Phan Hoàng H và người đại diện hợp pháp của ông H trình bày:

Trước khi ly hôn, ông H và bà Tr chung sống tại phần đất như bà Tr trình bày từ năm 2010, trên đất có nhà cấp 4 và 6 phòng trọ là của mẹ ruột bà Tr xây. Đến năm 2014, ông H trúng 03 tờ vé số giải đặc biệt của tỉnh Tiền Giang với số tiền 4.500.000.000 đồng; ông H và bà Tr nhận tiền mặt 300.000.000 đồng, sau khi trừ thuế số tiền còn lại 3.900.000.000 đồng gửi vào 02 tài khoản do bà Tr đứng tại Ngân hàng Đông Á – chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tr quản lý tiền và nói dùng số tiền trúng số mua nhà đất của mẹ bà Tr tại số 470 đường Q, khu phố Q1, Phường Q2, thành phố Tây Ninh và nhà đất hiện nay đang tranh chấp nhưng ông không thấy làm thủ tục sang nhượng. Đến khi bà Tr sửa chữa nhà, nguồn tiền bà Tr nói của mẹ bà Tr cho, khi nào mua xong nhà đất thì tính tiền xây nhà trả một lần, ông H là người trực tiếp đi mua vật liệu xây dựng, bà Tr trả tiền. Khi Tòa án giải quyết ly hôn, ông H có nói chia tiền trúng thưởng thì bà Tr hứa sẽ giao lại đất và nhà đang tranh chấp cho ông H, tiền còn lại bao nhiêu bà Tr sẽ mua nhà đất tại số 470 đường Q cho bà Tr ở nhưng bà Tr không thực hiện.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 14/4/2017 ông H yêu cầu xác định số tiền 3.900.130.000 đồng gửi tại Ngân hàng là tài sản chung của vợ chồng; sau khi trừ tiền dùng vào việc mua vàng cho 02 con chung 03 chỉ vàng 24 K trị giá 10.800.000 đồng; vàng nữ Tr của bà Tr trị giá 18.100.000 đồng; vàng con riêng ông H 07 chỉ trị giá 25.200.000 đồng và xe trị giá 50.000.000 đồng; xe mô-tô hiệu Vision hiện nay ông H đang sử dụng trị giá 28.000.000 đồng; ti-vi hiệu Samsung trị giá 35.000.000 đồng; bộ ghế gỗ và tượng Phật bằng gỗ trị giá 55.000.000 đồng; tổng cộng 222.000.000 đồng. Ông H đồng ý trừ số tiền 222.000.000 đồng vào số tiền 3.900.130.000 đồng (130.000 đồng là tiền lãi) còn lại 3.678.000.000 đồng yêu cầu chia đôi, mỗi người 1.839.000.000 đồng.

Ông H xác định nhà đất số Số nhà A, hẻm số B, đường C, khu phố D, Phường E, thành phố Tây Ninh là tài sản riêng của bà Tr, nhưng khi nào bà Tr thanh toán tiền cho ông thì ông giao trả nhà đất.

Đối với yêu cầu phản tố của ông H, bà Tr xác định: Khi trúng số, lãnh tiền mặt 300.000.000 đồng, gửi vào Ngân hàng tài khoản của bà đứng tên 3.900.000.000 đồng vào ngày 13/7/2014, sau đó đến ngày 17/7/2014, bà Tr và ông H đã rút toàn bộ số tiền trên tại Ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Tây Ninh và dùng số tiền này tiêu xài toàn bộ vào các khoản sau: Giao cho ông H hùn vốn mở sòng bạc dưới hình thức đá gà tại Casino bên đất Campuchia (đi qua cửa khẩu Hòa Bình thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh) và tại xã Hiệp Trường, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; mua 03 chỉ vàng 24 K; nữ Tr cho bà Tr 18.000.000 đồng; mua cho con riêng của ông H 07 chỉ vàng 24 K, 01 mô-tô giá 50.000.000 đồng, 01 xe mô-tô hiệu Vision; 01 sợi dây chuyền 01 lượng vàng 24 k cho ông H; mua tivi hiệu Samsung giá 35.000.000 đồng; bộ bàn ghế gỗ tượng phật giá 55.000.000 đồng; gia đình cùng đi du lịch trong nước, đi du lịch nước ngoài tại Thái Lan và dùng tiền sắm sửa đồ đạc trong nhà. Bà Tr xác định những tài sản này là tài sản chung của vợ chồng nhưng bà không yêu cầu chia. Toàn bộ số tiền trúng số tiêu xài hết nên khi ly hôn vào ngày 25/5/2016 cả hai người đều xác định không có tài sản chung. Bà Tr không đồng ý như yêu cầu của ông H.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 108/2017/DS-ST, ngày 29/8/2017 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 166, 219, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tr đối với ông Phan Hoàng H về tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất”.

Buộc ông Phan Hoàng H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tr: Thừa đất số 230, thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích 267,40 m² ; đất có Giấy CNQSD đất số BV 150874, số vào sổ CH02947 do Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11/6/2012 cho bà Nguyễn Thị Tr tọa lạc Số nhà A, hẻm số B, đường C, khu phố D, Phường E, thành phố Tây Ninh. Đất và nhà có tứ cận: Đông giáp thửa 224; Tây giáp đường bê tông dài 7,40m; Nam giáp thửa 44 dài 38,12m; Bắc giáp thửa 38 dài 38,53m.

+ Tài sản gắn liền thửa đất: Nhà cấp 2C: kết cấu móng bê tông cốt thép, tường gạch, cột bê tông cốt thép, nền gạch men, sàn bê tông, mái tol, trần thạch cao, cửa sắt kính có diện tích tầng trệt 57,5 m²; gác lửng diện tích 26,5 m²; tổng diện tích 84 m².

Nhà cấp 3C: kết cấu móng gạch, tường gạch, cột gạch, trần tol lạnh, cửa sắt kính diện tích tầng trệt 117,5 m²; có gác lửng diện tích 58,75 m², tổng diện tích 176,25 m²; 01 mái che, nền xi măng diện tích 47 m² giá trị 19.928.000 đồng;

Một (01) chân bồn nước xây gạch cao 4m, khối tích 1,44m³; 01 giếng khoan sâu 20m; 01 nền xi măng 35 m²; hàng rào song sắt 28,9 m²; hàng rào lưới B40 có chân cao 2,2 m², diện tích 88 m².

Đất và nhà có tứ cận: Đông giáp thửa 224; Tây giáp đường bê tông dài 7,40m; Nam giáp thửa 44 dài 38,12m; Bắc giáp thửa 38 dài 38,53m.

Bà Tr được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 230, thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích 267,40 m²; đất có Giấy CNQSD đất số BV 150874, sổ vào sổ CH02947 do Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11/6/2012 cho bà Nguyễn Thị Tr tọa lạc số nhà A, hẻm số B, đường C, khu phố D, Phường E, thành phố Tây Ninh và được quyền sở hữu những tài sản gắn liền thửa đất.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Hoàng H về tranh chấp “Chia tài sản thuộc sở hữu chung”.

Ông H, bà Tr mỗi người được chia số tiền 1.839.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Tr có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Hoàng H số tiền 1.839.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí do đặc và định giá; án phí; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 10 tháng 9 năm 2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr có đơn kháng cáo không đồng ý thanh toán cho ông H số tiền 1.839.000.000 đồng vì tài sản chung của vợ chồng không có, số tiền trúng vé số đã chi tiêu hết khi còn sống chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo BLTTDS. HĐXX thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự. Các bên đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tr, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Tr khởi kiện yêu cầu ông H trả lại nhà đất thuộc sở hữu của bà. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/4/2017, ông H có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn giữa ông và bà Tr đối với số tiền 3.740.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết tất cả các yêu cầu trên nhưng chỉ xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất” là chưa đầy đủ, phải xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi tài sản và chia tài sản sau khi ly hôn”.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bà Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Tr và ông H đều xác định trong thời kỳ hôn nhân, vào ngày 13/7/2014 ông H có trúng 03 tờ vé số giải đặc biệt với số tiền 4,5 tỷ đồng, số tiền vợ chồng thực lãnh sau khi khấu trừ các khoản thuế là 4.200.000.000 đồng; trong đó 300.000.000 đồng nhận tiền mặt và 3.900.000.000 đồng bà Tr gửi vào 02 tài khoản tại Ngân hàng do bà Tr đứng tên, 04 ngày sau, tức là ngày 17/7/2014 bà Tr đã rút toàn bộ số tiền 3.900.000.000 đồng gốc và 130.000 đồng lãi để vợ chồng chi tiêu, mua sắm, đi du lịch trong và ngoài nước. Ông H cho rằng ông không biết bà Tr rút tiền làm gì là không có căn cứ, vì trong thời gian này vợ chồng còn sống hạnh phúc, mua sắm nhiều đồ đạc, Tr sức và đi du lịch nhiều nơi, sau đó 02 năm ông H và bà Tr ly hôn, cả hai người đều khai tại Tòa án là tài sản chung không có. Nay bà Tr đòi lại căn nhà thì ông H mới nài ra số tiền này và khởi kiện yêu cầu chia tiền trúng số là không có căn cứ.

[3] Việc ông H cho rằng giữa ông và bà Tr khi ly hôn có thỏa thuận là bà Tr sẽ giao nhà và đất (đang tranh chấp) cho ông H còn bà Tr quản lý hết tiền trúng số, nhưng ông H không cung cấp được văn bản thỏa thuận giữa ông và bà Tr như ông trình bày và cũng không có chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của ông. Cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của ông H để chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của ông H, buộc bà Tr phải thanh toán lại cho ông H số tiền 1.839.000.000 đồng là không có căn cứ, chưa xem xét hết toàn bộ chứng cứ khách quan của vụ án. Đến thời điểm ông H, bà Tr thuận tình ly hôn thì tài sản chung của vợ chồng không còn.

[4] Đối với căn nhà mà bà Tr yêu cầu ông H giao trả, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H giao trả cho bà Tr, các đương sự không kháng cáo nội dung này nên không đặt ra giải quyết tại cấp phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tr, sửa 01 phần bản án sơ thẩm như phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Tr được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí không có giá ngạch về nghĩa vụ trả nhà đất; yêu cầu phản tố của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; được quy định tại Điều 26, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà Tr không phải chịu án phí.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Tr được chấp nhận và sửa án sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Chi phí tố tụng khác: Ông H phải chịu các chi phí đo đạc và định giá tài sản do yêu cầu đòi tài sản của bà Tr được chấp nhận; bà Tr đã tạm ứng số tiền 1.200.000 đồng nên ông H phải có nghĩa vụ giao trả cho bà Tr số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tr; sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tr đối với ông Phan Hoàng H về việc đòi lại tài sản là nhà đất.

Buộc ông Phan Hoàng H có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị Tr nhà đất tại Số nhà A, hẻm số B, đường C, khu phố D, Phường E, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (đất thuộc thửa số 230, thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích 267,40 m², do bà Nguyễn Thị Tr đứng tên giấy CNQSDĐ cấp ngày 11/6/2012. Tài sản gắn liền thửa đất: Nhà cấp 2C có tổng diện tích 84 m²; nhà cấp 3C, tổng diện tích 176,25 m²; 01 mái che, nền xi măng diện tích 47 m²; 01 chân bồn nước xây gạch cao 4m, khối tích 1,44m³; 01 giếng khoan; 01 nền xi măng 35 m²; hàng rào song sắt 28,9 m²; hàng rào lưới B40 có chân cao 2,2 m², diện tích 88 m²; kèm theo biên bản định giá ngày 04/4/2017).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Hoàng H về yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr giao trả số tiền 1.839.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Phan Hoàng H phải chịu 67.470.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; ghi nhận ông H đã nộp 17.069.000 đồng tiền tạm ứng án phí khởi kiện tại biên lai thu số 0004016 ngày 20/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; ông H còn phải nộp tiếp 50.401.000 (năm mươi triệu bốn trăm lẻ một ngàn) đồng.

Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Hoàn trả cho bà Tr 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí khởi kiện và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo các biên lai thu số 0003621 ngày 10/01/2017 và biên lai thu số 0004480 ngày 11/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

4. Chi phí đo đạc và định giá tài sản: Ông H phải chịu 1.200.000 đồng; do bà Tr đã tạm ứng số tiền này xong nên ông H phải có trách nhiệm giao trả cho bà Tr 1.200.000 (một triệu hai trăm ngàn) đồng.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Tây Ninh;
- VKSND tỉnh TN;
- Chi cục THADS Tp. Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh